



# CHƯƠNG 2

## KẾ TOÁN TIỀN & CÁC KHOẢN PHẢI THU

# NỘI DUNG

## ❑ KẾ TOÁN TIỀN

- Những vấn đề chung
- Kế toán thu, chi tiền

## ❑ KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

- Những vấn đề chung
  - Kế toán phải thu khách hàng
  - Kế toán phải thu khác
  - Dự phòng phải thu khó đòi
-

# Tiền

- Là một bộ phận **tài sản ngắn hạn**
- Có tính thanh khoản cao nhất
- Tồn tại trực tiếp dưới hình thức giá trị

Tiền mặt tại quỹ

Tiền gửi ngân hàng hoặc các  
tổ chức tài chính

Tiền đang chuyển

**Tiền VN**

**Ngoại tệ**

**Vàng bạc,  
kim khí quý,  
đá quý**



## **Các nguyên tắc kiểm soát nội bộ đối với tiền**

- ✓ Nhân viên liêm chính, cẩn thận, có đủ năng lực
- ✓ Phân chia trách nhiệm
- ✓ Hệ thống chứng từ, sổ sách theo dõi tiền được tổ chức chặt chẽ
- ✓ Hàng ngày đối chiếu giữa thủ quỹ và kế toán
- ✓ Hạn chế sử dụng tiền mặt



# Quy định kế toán

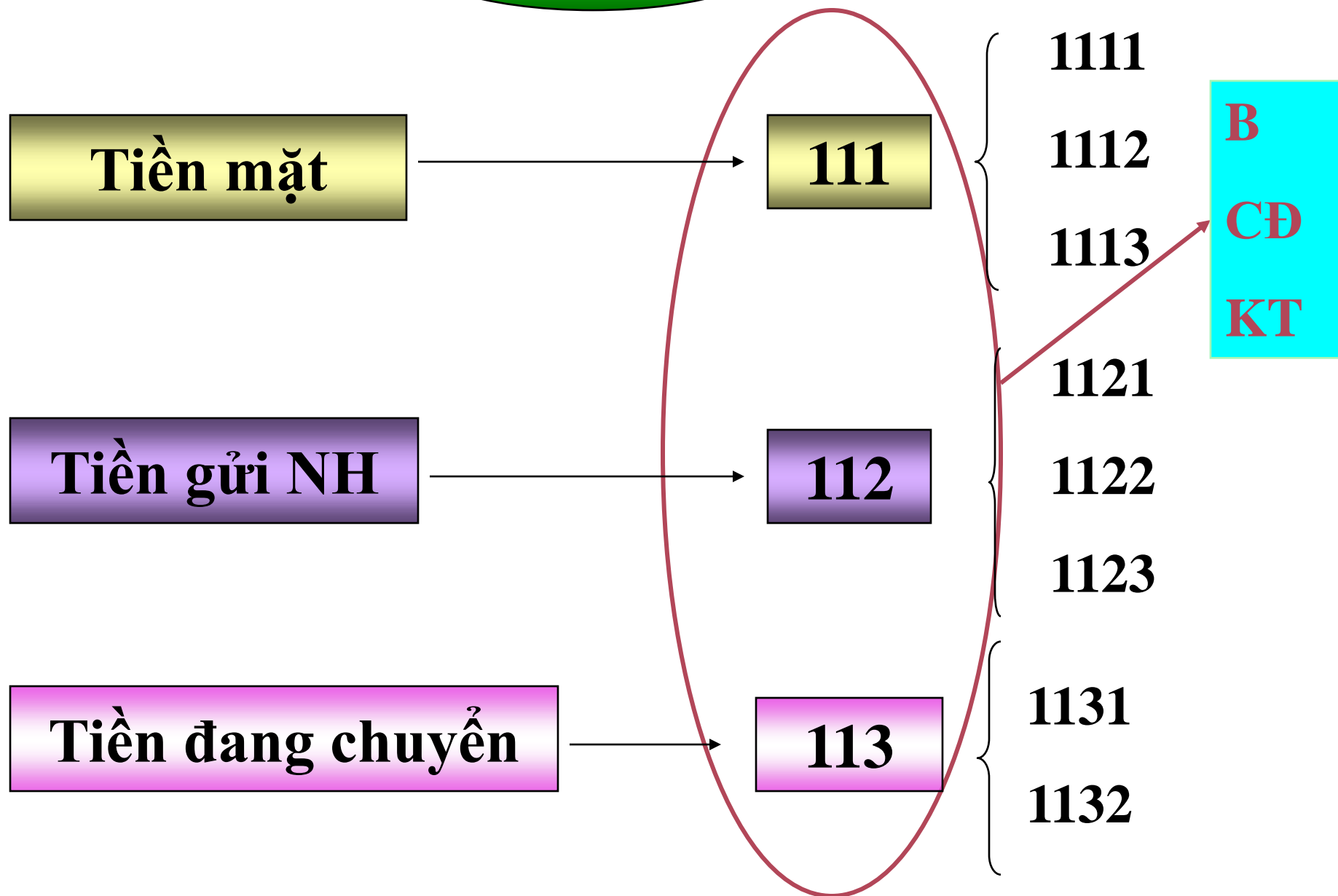
- ❖ Sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất để ghi sổ kế toán và lập BCTC, đó là **đồng Việt Nam**, *trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ khác.*
- ❖ Đối với ngoại tệ: căn cứ vào tỷ giá hối đoái giữa các loại tiền để quy đổi về đồng VN, đồng thời theo dõi nguyên tệ.
- ❖ Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải đổi sang đơn vị tiền tệ thống nhất, đồng thời theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất ...



## Lưu ý:

- ❖ Kiểm kê tiền mặt, TGNH và đối chiếu với sổ kế toán tại đơn vị.
- ❖ **Không đưa vào** khoản mục này các loại **tiền bị giới hạn** trong thanh toán
- ❖ Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở khoản mục tiền **áp dụng** cho các DN **không có chức năng kinh doanh** vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

# TK sử dụng



111

112     Rút TGNH →

Nộp vào NH → 112

131     Thu nợ → **Tăng**

**Giảm**     T / toán → 331,  
311...

511     Bán hàng, ḍṿu

Mua hàng     **15\***

515,  
711     TN HĐTC, #

Tạm ứng → **141**

3381     Kiểm kê  
            thừa →

Kiểm kê  
            thiếu → **1381**



## Ví dụ 1: Trong tháng 6/N psinh các nghiệp vụ:

**Ngày 5** : Rút quỹ tiền mặt nộp vào ngân hàng, đã nhận được GBC: 20 trđ.

**Ngày 8** : Khách hàng chuyển khoản trả nợ cho doanh nghiệp 50tr, đã nhận được GBC.

**Ngày 10** : Chi 5 trđ tiền mặt mua một số công cụ nhập kho.

**Ngày 20**: Ngân hàng báo đã chuyển lãi tiền gửi ngân hàng kỳ này vào tài khoản DN: 5 trđ

## Ví dụ 2

Nhận vốn liên doanh, góp vốn cổ phần do các thành viên góp vốn chuyển đến cho đơn vị bằng chuyển khoản 200.000.000 đ

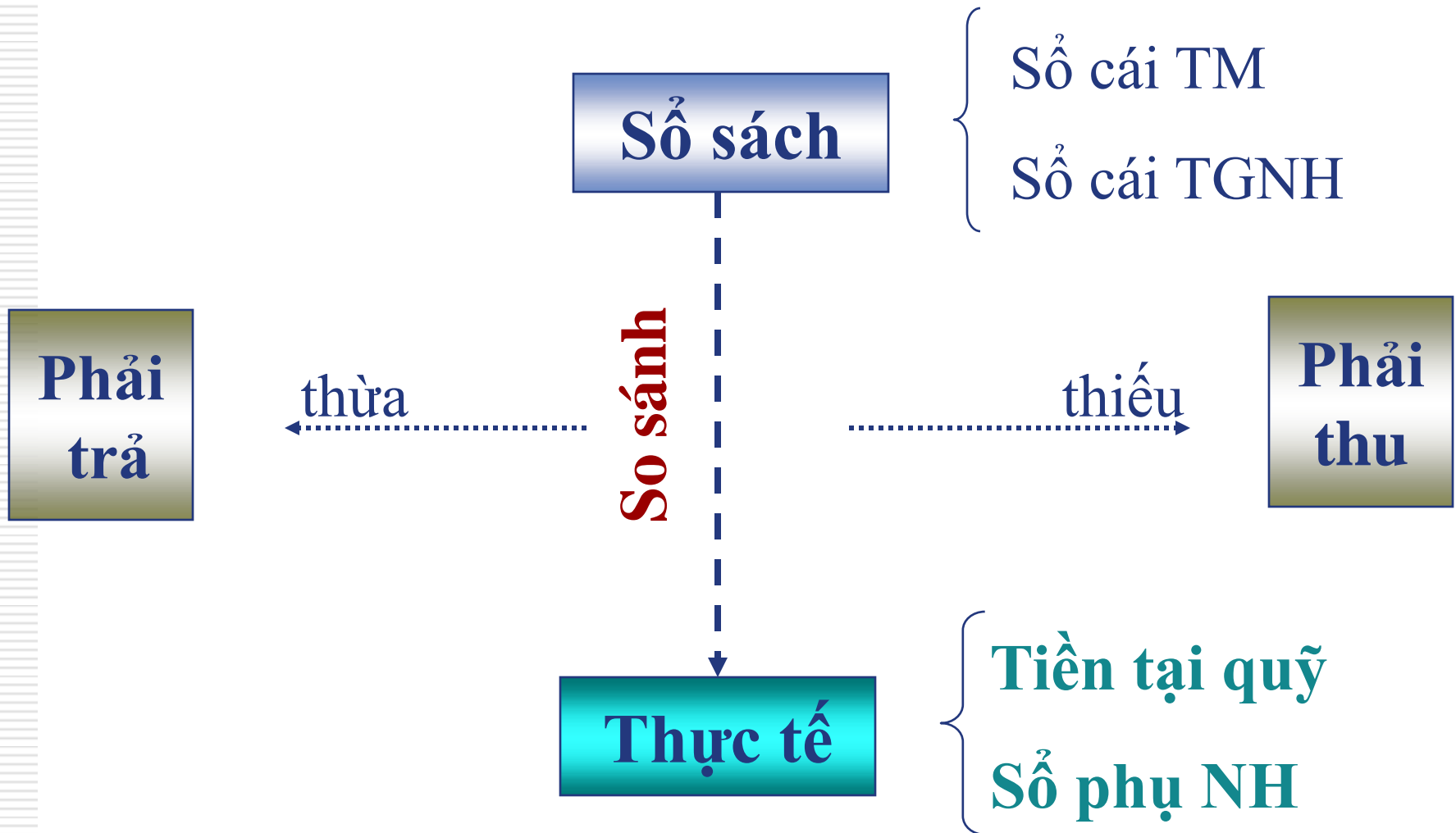
## Ví dụ 3

Chuyển tiền gửi ngân hàng đi ký quỹ dài hạn  
10.000.000 đ

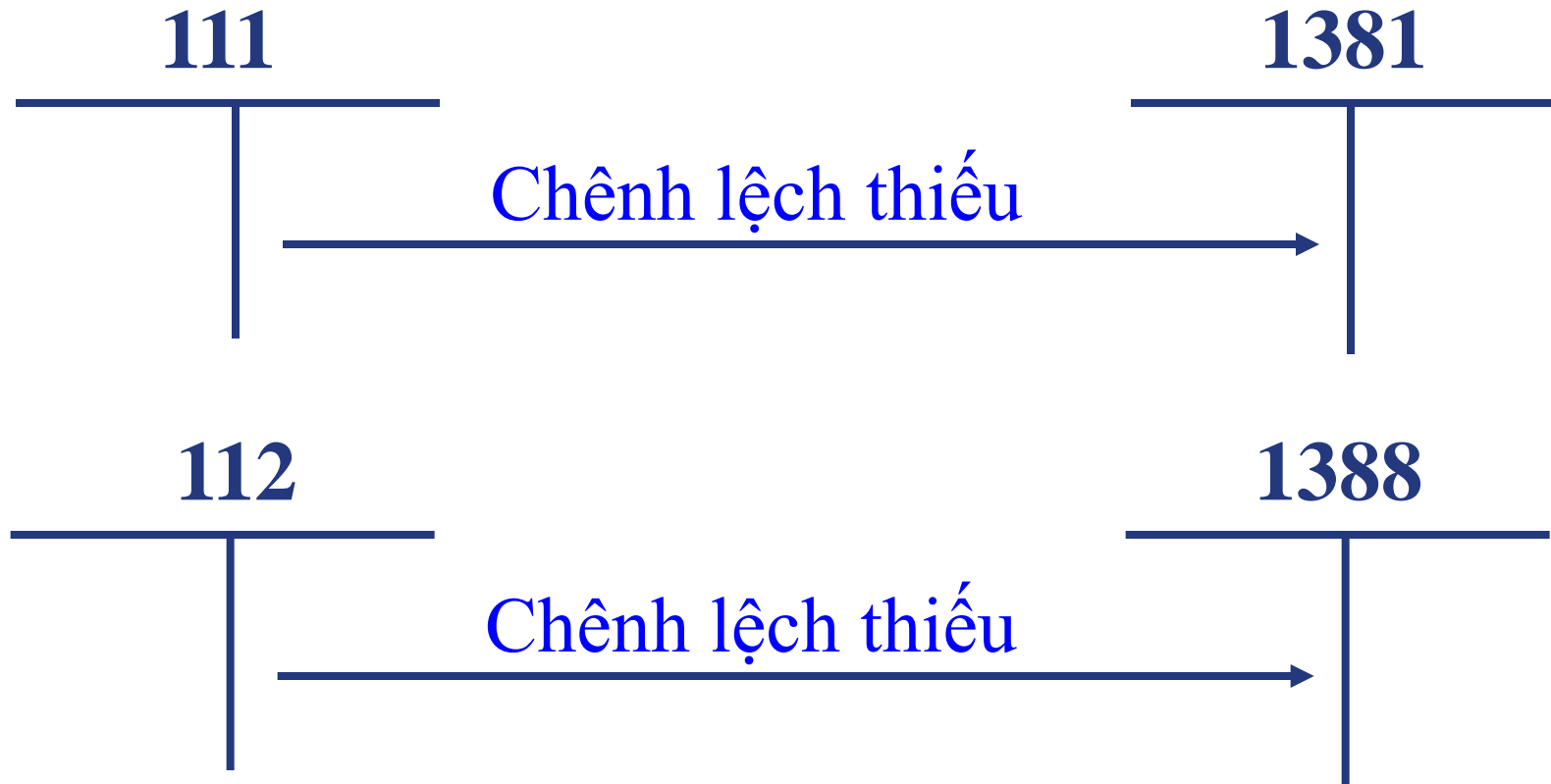
## Ví dụ 4

**Ngày 5** : Nộp 15 trđ vào TK tiền gửi không kỳ hạn.  
Nộp 50 trđ vào TK tiền gửi kỳ hạn 6 tháng.

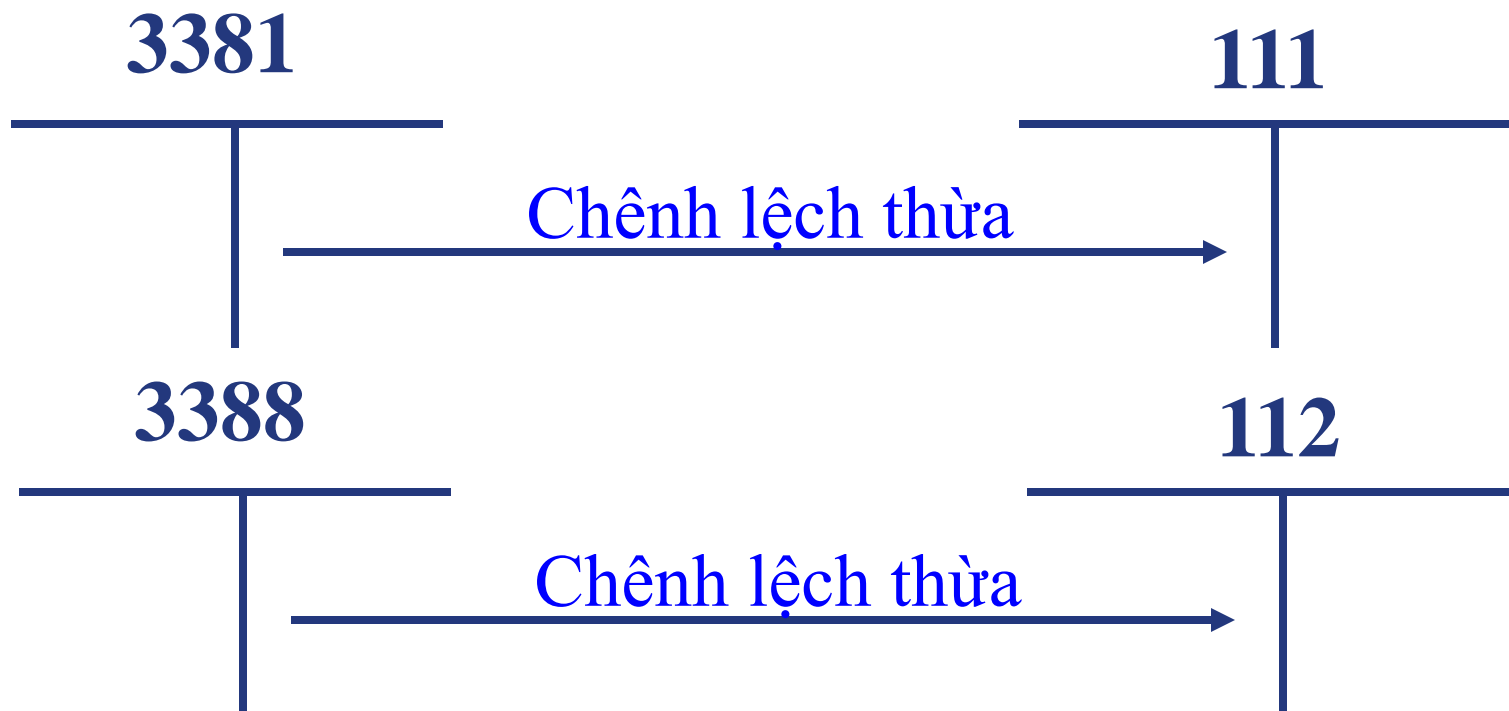
# Kiểm kê \_ đối chiếu:



## Kiểm kê phát hiện thiếu:



## Kiểm kê phát hiện thừa:



## Ví dụ 5

**31/01**: Nhận bảng sao kê của ngân hàng:

- Số dư trên Bảng sao kê của ngân hàng: 15.000.000 đ
- Số dư trên Sổ kế toán : 20.000.000 đ



## Ví dụ 6:

Cuối tháng, đơn vị tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt  
Theo:

- Biên bản kiểm kê quỹ: lượng tiền mặt hiện còn ở đơn vị là: 19.750.000 đ
- Sổ quỹ Tiền Mặt / Sổ Cái Tiền mặt: số dư vào thời điểm này là: 20.000.000 đ

## Lưu ý về Tiền đang chuyển

### Là một bộ phận tiền của đơn vị

DN nộp Sec, hoặc TM vào NH nhưng chưa nhận giấy báo Có hay bảng sao kê của NH

DN chuyển tiền qua bưu điện trả cho đơn vị khác nhưng người nhận chưa nhận được

### Chỉ ghi nhận vào cuối kỳ

**Cuối kỳ kế toán**

**TK 111**

**Nộp TM vào NH  
chưa nhận GBC**

**TK 113**

**Nhận GBC**

**TK 112**

**Nhận GBC**

**TK 331**

**TK 112**

**Làm thủ tục trả tiền nhưng  
chưa nhận chứng từ ở NH**

## Ví dụ 7:

**29/01:** Phiếu chi xuất quỹ TM 20.000.000 đ đã nộp vào ngân hàng nhưng đến **31/01** vẫn chưa nhận được GBC

## Ví dụ 8:

**2/2:** Nhận giấy báo Có về khoản tiền đã nộp vào ngân hàng ngày 29/01

## Ví dụ 9: Tháng 07/N psinh 1 số nghiệp vụ:

**Ngày 15:** Chuyển 30trđ TM nộp vào TK ngân hàng.  
(chưa nhận được GB Có)

**Ngày 17:** Nhận được giấy báo Có khoản tiền nộp ngày 15.

**Ngày 29:** Khách hàng thông báo đã chuyển khoản thanh toán nợ 10 trđ cho DN (chưa nhận được Giấy báo Có)

# KT GIAO DỊCH THU CHI TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN NGOẠI TỆ

## Một số thuật ngữ

- ❖ **Đơn vị tiền tệ kế toán:** Là đơn vị tiền tệ được sử dụng chính thức trong việc ghi sổ kế toán và lập BCTC.
- ❖ **Ngoại tệ:** Là đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của một doanh nghiệp.
- ❖ **Giao dịch bằng ngoại tệ:** Là giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ.

# KT GIAO DỊCH THU CHI TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN NGOẠI TỆ

## Một số thuật ngữ

- ❖ **Tỷ giá hối đoái:** Là tỷ giá trao đổi giữa hai đơn vị tiền tệ.
- ❖ **Chênh lệch tỷ giá hối đoái:** Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi của cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo các tỷ giá hối đoái khác nhau.



# KT GIAO DỊCH THU CHI TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN NGOẠI TỆ

## Một số thuật ngữ

- ❖ **Các khoản mục tiền tệ:** Là **tiền** và các khoản **tương đương tiền** hiện có, các **khoản phải thu**, hoặc **nợ phải trả** bằng một lượng tiền cố định hoặc có thể xác định được.
- ❖ **Các khoản mục phi tiền tệ:** Là các khoản mục không phải là các khoản mục tiền tệ.

# [ Ghi nhận ban đầu ]

**GIAO DỊCH  
BẰNG NGOẠI TỆ**

**Tỷ giá  
tại ngày giao dịch**  
*(Tỷ giá giao ngay)*

**SỔ  
KẾ TOÁN**

**Đơn vị tiền  
tệ kế toán**

# Tại ngày lập BCĐKT

Khoản mục tiền tệ  
có gốc ngoại tệ.

BC theo  
TGHD cuối kỳ.

BCTC

Khoản mục phi tiền  
tệ có gốc ngoại tệ.

BC theo TGHD  
tại ngày giao dịch.



# Nguyên tắc hạch toán ngoại tệ

**DN đang  
HĐ SXKD**

## ❖ Khoản mục tiền tệ:

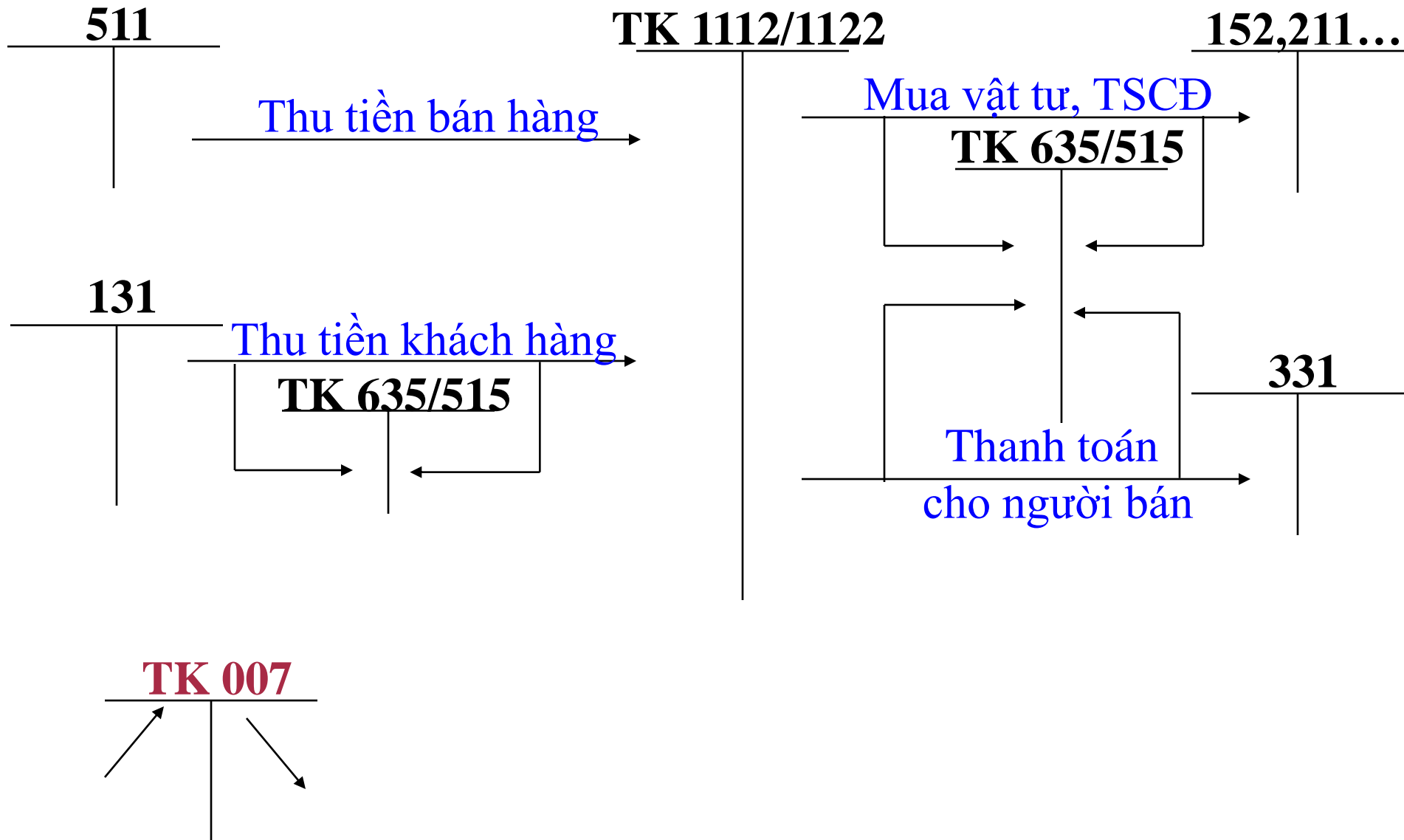
- Phát sinh tăng: TG thực tế thời điểm PS tăng.
- Phát sinh giảm: TG ghi sổ (FIFO, LIFO,...)

*Chênh lệch TG (nếu có): TK 635/ 515*

## ❖ Khoản mục phi tiền tệ:

Tỷ giá thực tế thời điểm phát sinh.

# Sơ đồ Kế toán giao dịch thu chi tiền liên quan đến ngoại tệ



# Cuối năm tài chính

Đánh giá lại  
khoản mục tiền tệ  
có gốc ngoại tệ

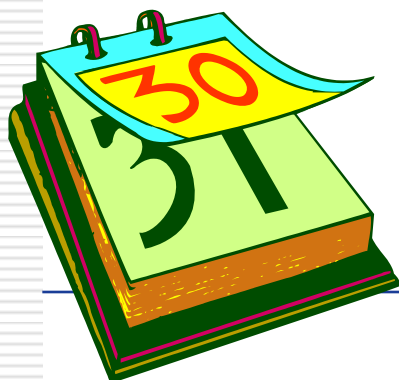
CLTG

TK 4131

Xử lý  
CLTG

TK 635/ 515

DN đang  
HĐ SXKD



TT201-2009

## Ví dụ

Tại cty A trong tháng 8/2007 có PS 1 số nghiệp vụ KT sau:

- Ngày 1/8: cty nộp tiền mặt VND vào NH mua 2000USD, tỷ giá bán của NH: 19.800đ/USD
- Ngày 5/8: Chuyển TGNH thanh toán số còn nợ cho nhà cung cấp B.
- Ngày 12/8: Khách hàng C ứng trước bằng TM cho công ty 500USD theo thoả thuận. TGTT: 19.860 đ/USD.
- Ngày 20/8: Công ty chi TM 400USD trả tiền thuê cửa hàng trưng bày sản phẩm tháng 8. TGTT: 19.930đ/USD.

### **Tài liệu bổ sung:**

Tỷ giá chi ngoại tệ tính theo PP FIFO

Số dư ngày 1/8: TK 1112: 1.910.000đ (100 USD)

TK 1122: 0

TK 331(B): 28.650.000 (1500 USD)

# Trình bày thông tin trên BCTC

Cung cấp thông tin  
gì cho người sd ?



**Giá trị tài sản  
(lượng tiền hiện  
có) vào thời  
điểm cuối kỳ.**

**Khả năng và  
hiệu quả sử  
dụng tiền**

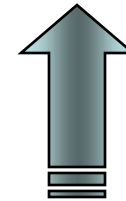
**Bảng Cân Đối Kế Toán**

**Báo Cáo Lưu Chuyển  
Tiền Tệ**



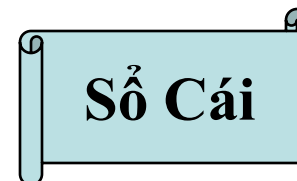
# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	MS	Số Cuối năm	Số đầu năm
1	2	4	5
<b>A – TS NGẮN HẠN</b> I. Tiền và các khoản tương đương tiền 1. Tiền		.....	



Số tiền hiện có của DN:

**111, 112, 113**



**Sổ Cái**

## B - KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

### Mục tiêu:

- ❖ Phân loại nợ phải thu
- ❖ Chứng từ, thủ tục liên quan
- ❖ Ghi chép, theo dõi các khoản nợ phải thu
- ❖ Trình bày thông tin trên BCTC
- ❖ Xác định dự phòng nợ phải thu khó đòi
- ❖ Ghi chép xử lý việc xóa sổ nợ khó đòi.

# Khái niệm:

## Nợ phải thu

Là một phần **tài sản** của DN.  
Do DN kiểm soát  
Và sẽ thu được **LIKT** trong tương lai

Phát sinh trong  
quá trình kinh  
doanh với các  
đối tượng:

- Bán chịu cho người mua
- Ứng trước tiền cho người bán
- Khoản phải thu của nhà nước
- Khoản phải thu khác

## Yêu cầu quản lý:

- ❖ Nợ phải thu cần được hạch toán chi tiết từng đối tượng phải thu, từng thời hạn thanh toán, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn.
- ❖ Định kỳ đối chiếu công nợ, xác định nợ trả đúng hạn, nợ khó đòi hoặc có khả năng không đòi được để làm căn cứ xác lập mức dự phòng NPT khó đòi hoặc xử lý xóa sổ NPT.

# TK131

**511,  
515,  
711,  
333**

Dthu, TN khác

Giảm nợ do CKTM,  
GGHB, HBBTL →

**521, 531,  
532, 333**

Chiết khấu  
thanh toán →

**635**

Thu nợ/ nhận  
trước tiền →

**111,  
112**

## Ví dụ 9

Ngày 15/09/2008, công ty bán tại kho cho công ty A 500 đơn vị hàng X, giá bán chưa thuế 40.000đ/đv, thuế suất thuế GTGT khấu trừ 10%. Công ty A đã nhận hàng và chưa thanh toán.

Ghi nhận bút toán doanh thu?

## Ví dụ 10:

Nhận 12 trđ tiền mặt do KH trả trước về dịch vụ bảo trì thiết bị văn phòng.

## Ví dụ 11:

**Ngày 7:** Bán cho công ty B lô hàng trị giá chưa thuế 50 trđ, VAT 10%, chưa thu tiền. Đơn vị đưa ra chính sách nếu cty B thanh toán trong vòng 10 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 2% trên tổng số tiền thanh toán.

**Ngày 15:** Nhận giấy báo Có ngân hàng về khoản tiền cty B chuyển trả cho đơn vị

**Ngày 17:** Công ty C ứng trước tiền hàng 5 trđ bằng tiền mặt.



## Dự phòng Nợ phải thu khó đòi:

- ❖ Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

## Mục đích:

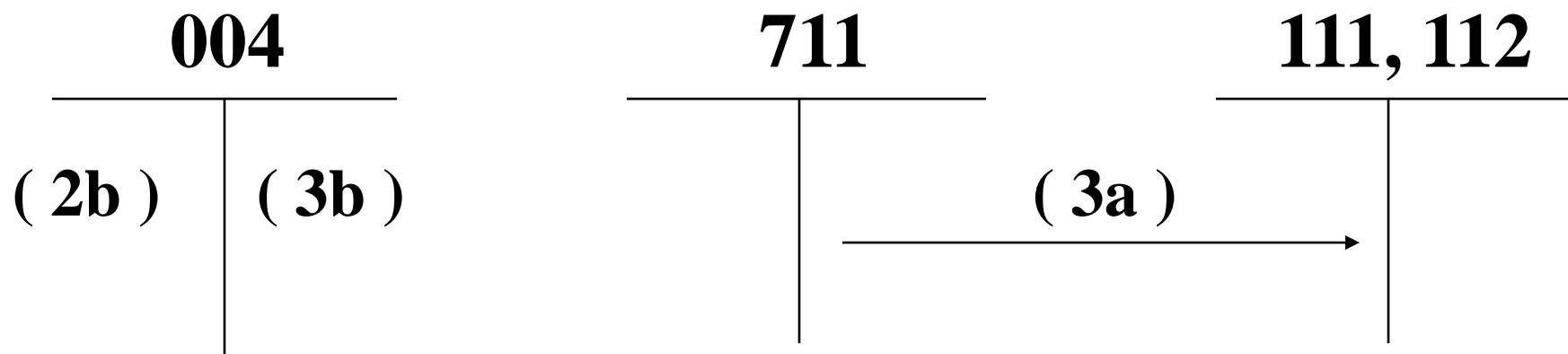
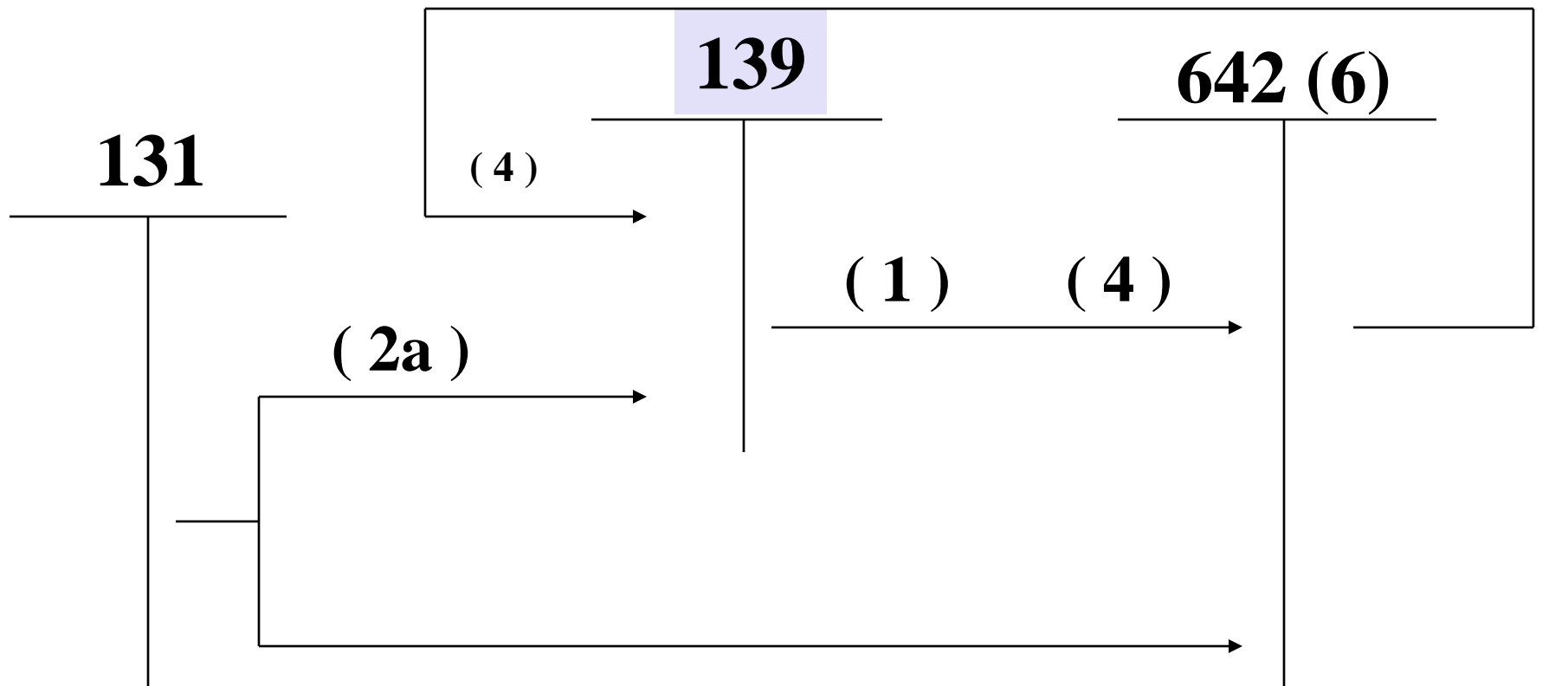
- ❖ Phương tiện tài chính: Bù đắp tổn thất có thể xảy ra → bảo toàn vốn.
- ❖ Phương tiện kế toán: Đảm bảo nguyên tắc phù hợp (chi phí nợ khó đòi phải được ghi nhận vào kỳ phát sinh doanh thu từ việc bán chịu tương ứng)

## Đối tượng và điều kiện:

- ❖ Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.
- ❖ Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu như trên phải xử lý như một khoản tổn thất.

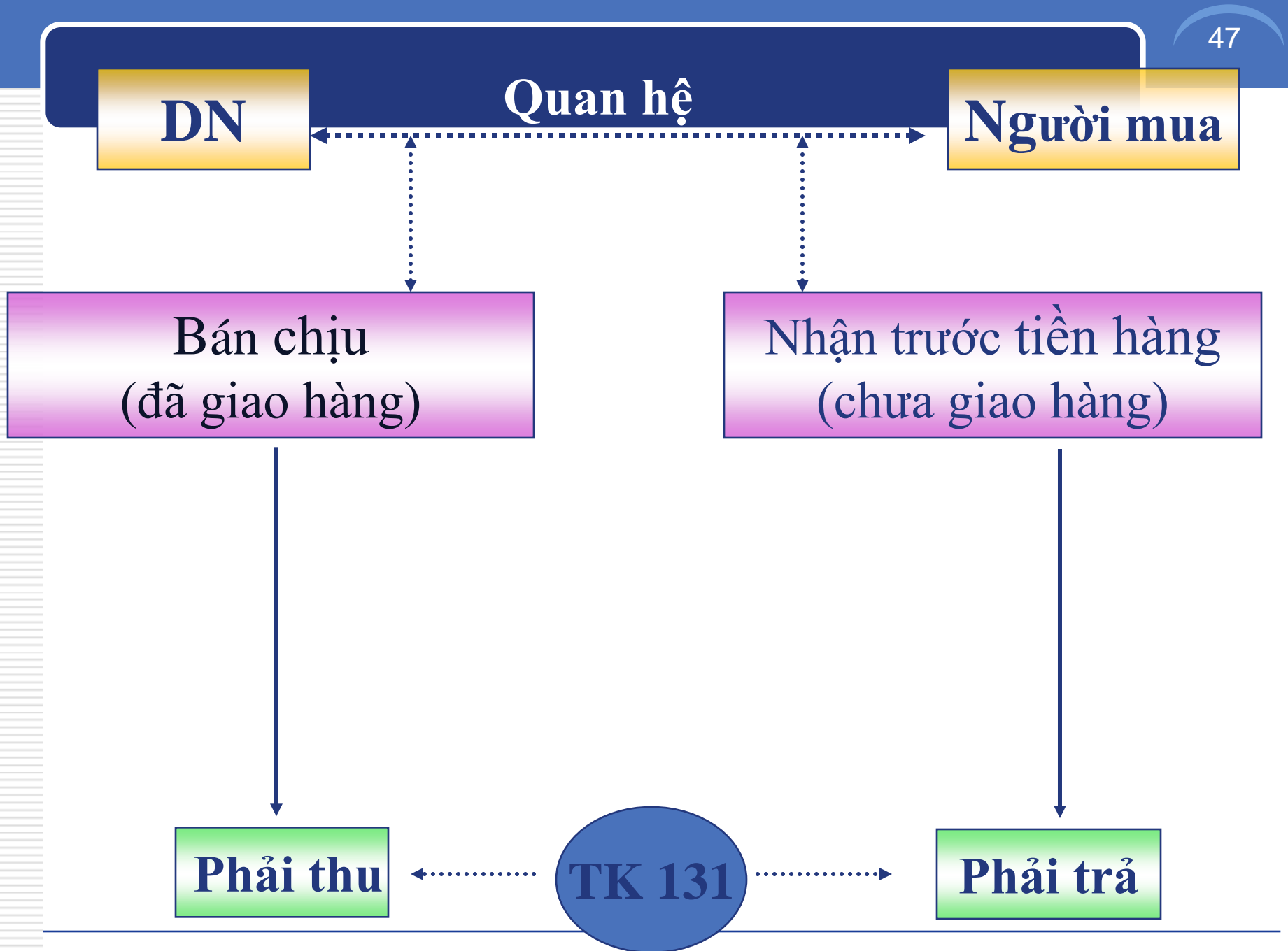
## Căn cứ:

- ❖ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.
- ❖ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.
- ❖ Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi.

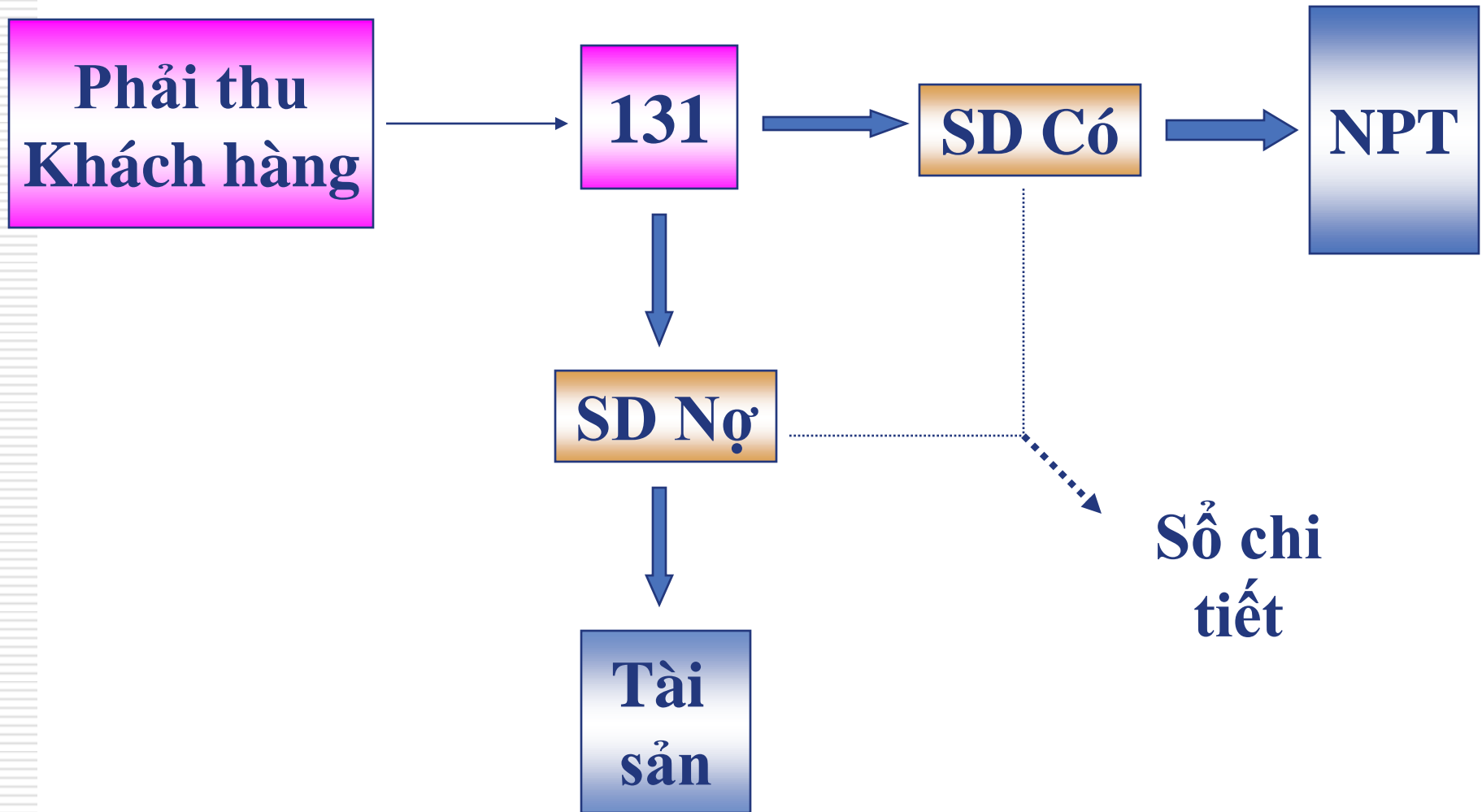


## Ví dụ 5:

- 15/01/2003:** Bán cho cty A lô hàng trị giá 50 trđ, chưa thu tiền.
- 31/12/2003:** Do tình hình kinh doanh cty A thua lỗ, DN ước tính lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 10 trđ.
- 31/12/2004:** DN xác định mức lập DP phải thu khó đòi năm nay là 20 trđ.
- 31/01/2005:** Cty A giải thể, DN tiến hành xóa sổ theo dõi nợ cty A.
-

**DN****Quan hệ****Người mua****Bán chịu**  
(đã giao hàng)**Nhận trước tiền hàng**  
(chưa giao hàng)**Phải thu****TK 131****Phải trả**

# TK 131:





# Trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính:

**Giá trị thuần** các khoản phải thu vào thời điểm cuối kỳ

**Bảng Cân Đối Kế Toán**



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

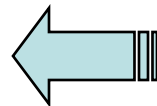
TÀI SẢN	MS	Số Cuối năm	Số đầu năm
1	2	4	5
<b>A – TS NGẮN HẠN</b> <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b> 1. Phải thu khách hàng 2. Trả trước cho người bán 3. ... 6. DP phải thu NH khó đòi			
		Giá trị thuần có thể thực hiện được	
		Số chi tiết (bên Nợ) 131	
		Số chi tiết (bên Nợ) 331	

Cuối niên độ kế toán, tình hình số dư một số tài khoản như sau:

❑ TK 111: 50.000.000 đ

❑ TK 112: 100.000.000 đ

❑ TK 131: 75.000.000 đ



**Yêu cầu:** Phản ánh tình hình một số TS trên lên Bảng CĐKT

Tình hình sổ chi tiết phải thu khách hàng như sau:

❑ TK 131-A: 30.000.000 đ (Dư Nợ)

❑ TK 131-B: 50.000.000 đ (Dư Nợ)

❑ TK 131-C: 5.000.000 đ (Dư Có – C ứng trước tiền hàng)

